

Số: **18**/2022/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính, hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-VHXXH ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (gọi chung là kỳ thi) trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Các nội dung khác liên quan đến nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm

2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước (kinh phí sự nghiệp giáo dục) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện; ngân sách huyện đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cấp huyện chủ trì thực hiện; Các cơ quan, đơn vị đảm bảo kinh phí từ nguồn kinh phí giao hằng năm cân đối thực hiện nhiệm vụ do cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung, mức chi

1. Chi phí chuẩn bị để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

a) Thuê địa điểm làm việc của Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

b) Thuê địa điểm thi, địa điểm làm phách, địa điểm chấm thi (nếu có);

c) Mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn; in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi;

d) Các khoản khác phục vụ hoạt động của Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có).

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của cơ quan, đơn vị khác (địa điểm,

thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng phải thanh toán các khoản chi phí về điện, nước, vệ sinh, an ninh trật tự, phục vụ; yêu cầu chứng từ thanh toán phải có hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất phải hạch toán và phản ánh khoản thu này vào sổ sách kế toán của đơn vị theo quy định của Luật Kế toán.

2. Chi hỗ trợ tiền đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn cho học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn, tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi khoa học kỹ thuật học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia. Thực hiện theo chế độ công tác phí, hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang tại Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, cho hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên của các hội đồng, ban, tổ tham gia tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn thi học sinh giỏi cấp tỉnh, coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia (**Phụ lục I kèm theo**).

4. Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác (phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

a) Đối với kỳ thi tuyển học sinh vào lớp đầu cấp các trường phổ thông công lập: Mức chi được tính bằng 80% (phần trăm) mức chi cho kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cấp tỉnh và coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác cấp tỉnh: Mức chi được tính bằng 60% (phần trăm) mức chi cho kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác cấp huyện: Mức chi được tính bằng 50% (phần trăm) mức chi cho kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này và 60% (phần trăm) mức chi tổ chức kỳ thi đầu cấp các trường phổ thông công lập quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Mức chi tiền công ra đề, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, chấm bài thi, công tác tập huấn các đội tuyển thi chọn học sinh giỏi; tiền công cho cộng tác viên thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đoàn thanh tra trước, trong và sau khi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác (**phụ lục II kèm theo**).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, kỳ họp thứ Mười, thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác Đại biểu, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khoá XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các Sở, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Thào Hồng Sơn

Phụ lục I

MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, BAN, TỔ THAM GIA TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI: KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH; COI THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Stt	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	đồng/người/ngày	560.000
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	đồng/người/ngày	500.000
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	450.000
d	Ủy viên, thư ký vòng trong 24h/24h	đồng/người/ngày	370.000
đ	Bảo vệ vòng trong 24h/24h	đồng/người/ngày	370.000
e	Ủy viên, thư ký vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
g	Bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	đồng/người/ngày	480.000
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	415.000
c	Ủy viên, thư ký cách ly	đồng/người/ngày	340.000
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	340.000
đ	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
3	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	320.000
4	Thành viên Ban chỉ đạo thi		
a	Trưởng ban	đồng/người/ngày	450.000
b	Phó Trưởng ban Thường trực	đồng/người/ngày	430.000
c	Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
d	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	320.000
đ	Nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	190.000
5	Hội đồng thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp THPT)		
a	Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	450.000
b	Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	415.000
c	Ủy viên	đồng/người/ngày	320.000
6	Ban Thư ký Hội đồng thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp THPT)		
a	Trưởng ban	đồng/người/ngày	415.000

Stt	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
b	Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	370.000
c	Ủy viên		320.000
7	Thành viên Hội đồng/Ban coi thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	đồng/người/ngày	420.000
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	410.000
c	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
d	Trưởng điểm thi, Phó trưởng điểm thi	đồng/người/ngày	400.000
đ	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	đồng/người/ngày	340.000
e	Công an, bảo vệ, cán bộ y tế	đồng/người/ngày	160.000
8	Thành viên Ban/Tổ làm phách		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	415.000
b	Phó trưởng ban/Tổ phó	đồng/người/ngày	350.000
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	đồng/người/ngày	320.000
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	đồng/người/ngày	320.000
đ	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc vòng ngoài	đồng/người/ngày	160.000
9	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi (Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban chấm thi Trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi)		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	đồng/người/ngày	480.000
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	450.000
c	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	400.000
d	Ủy viên (cán bộ chấm thi), thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	340.000
đ	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, cán bộ y tế	đồng/người/ngày	180.000
10	Thành viên Ban tổ chức		
a	Trưởng ban	đồng/người/ngày	450.000
b	Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	370.000
c	Ủy viên	đồng/người/ngày	250.000
d	Bảo vệ, phục vụ	đồng/người/ngày	180.000
11	Thành viên Hội đồng thẩm định, Ban giám khảo		
a	Chủ tịch	đồng/người/ngày	480.000
b	Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	400.000
c	Ủy viên, giám khảo./.	đồng/người/ngày	330.000

Phụ lục II

MỨC CHI TIỀN CÔNG RA ĐỀ, XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, CHẤM BÀI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH; CỎI THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
I	Tiền công ra đề thi		
1	Tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
a	Chủ trì	đồng/người/ngày	500.000
b	Các thành viên	đồng/người/ngày	450.000
2	Tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	đồng/người/ngày	350.000
3	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)		
a	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	đồng/đề	480.000
b	Kỳ thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	đồng/đề theo phân môn	820.000
c	Thi học sinh giỏi trung học phổ thông cấp tỉnh, tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chuyên	đồng/đề	750.000
d	Thi đồng đội, thực hành khối trung học phổ thông	đồng/đề	320.000
đ	Thi học sinh giỏi lớp 9, giáo dục thường xuyên, thi tuyển sinh vào lớp 10 (không chuyên)	đồng/đề	480.000
e	Thi đồng đội, thực hành học sinh giỏi lớp 9	đồng/đề	480.000
f	Đề thi lý thuyết nghề phổ thông	đồng/đề	300.000
g	Đề thi thực hành nghề phổ thông	đồng/đề	300.000
4	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm		
a	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (cách ly)	đồng/người/ngày	650.000
b	Thi chọn đội dự tuyển học sinh giỏi tỉnh dự thi quốc gia (cách ly)	đồng/người/ngày	650.000
c	Thi học sinh giỏi trung học phổ thông cấp tỉnh; thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh; thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chuyên; thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông (cách ly)	đồng/người/ngày	600.000
d	Làm đề thực hành (xây dựng chương trình) thi học sinh giỏi đồng đội lớp 9 (tối đa không quá 02 người/cụm và không quá 03 ngày)	đồng/người/ngày	450.000
	Làm đề thực hành (xây dựng chương trình) thi học sinh giỏi đồng đội trung học phổ thông (tối đa không quá 02 người/môn và không quá 02 ngày)	đồng/người/ngày	350.000
5	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a	Soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	50.000
b	Rà soát, chọn lọc thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu	42.000
c	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	đồng/câu	35.000
d	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	25.000
đ	Rà soát, chọn lọc và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	7.000

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
6	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm		
a	Chủ trì	đồng/người/ngày	560.000
b	Thành viên	đồng/người/ngày	560.000
II	Tiền công chấm thi		
1	Tiền công chấm bài thi/chấm phúc khảo		
a	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (Cả tự luận và trắc nghiệm)	đồng/người/ngày	560.000
b	Thi học sinh giỏi lớp 12 và thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	đồng/người/ngày	550.000
c	Thi giỏi văn hóa các lớp khối lớp khác; thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông chuyên và không chuyên	đồng/người/ngày	450.000
d	Chấm thi đồng đội học sinh giỏi trung học phổ thông	đồng/người/ngày	400.000
đ	Chấm thi đồng đội học sinh giỏi lớp 9, thi nghề phổ thông	đồng/người/ngày	350.000
e	Sơ tuyển đề án cuộc thi khoa học kỹ thuật (mỗi đề án tối đa không quá 03 người đánh giá)	đồng/đề án/người	100.000
f	Chấm chính thức đề án cuộc thi khoa học kỹ thuật (mỗi đề án không quá 03 người đánh giá)	đồng/đề án/người	100.000
g	Hội thi giáo viên giỏi cấp tỉnh		
	- Phần thi bảo vệ biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục (tối thiểu 03 giám khảo)	đồng/biện pháp/giám khảo	100.000
	- Phần thi thực hành dạy (tối thiểu 03 giám khảo)	đồng/tiết/giám khảo	100.000
2	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	đồng/người/ngày	250.000
III	Tiền công tập huấn các đội dự tuyển thi chọn học sinh giỏi; tiền công cho công tác thanh tra		
1	Tiền công tập huấn các đội dự tuyển thi chọn học sinh giỏi (do giáo viên địa phương đảm nhiệm)		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	đồng/người/ngày	100.000
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy = 3 tiết)	đồng/người/ngày	700.000
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy = 3 tiết)	đồng/người/ngày	800.000
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/người/ngày	300.000
2	Tiền công cho công tác thanh tra trước, trong và sau khi tổ chức các kỳ thi (chỉ áp dụng đối với công tác viên thanh tra)		
a	Trưởng đoàn thanh tra	đồng/người/ngày	360.000
b	Đoàn viên thanh tra	đồng/người/ngày	340.000
c	Thanh tra viên độc lập./.	đồng/người/ngày	400.000